

Số: 567/GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 21 tháng 3 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ và đề nghị của Công ty TNHH dệt Hongda (Việt Nam) tại Văn
bản số 01/CV-MT ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc đề nghị thẩm định cấp
lại Giấy phép môi trường và Văn bản số VBGT03-24/HD ngày 11 tháng 3 năm
2024 về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ đề nghị cấp lại
Giấy phép môi trường Dự án Nhà máy dệt vải Hongda (Việt Nam) tại lô A2.2,
đường D2, Khu công nghiệp Thành Thành Công, phường An Hòa, thị xã Trảng
Bàng, tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
4527/TTr-STNMT ngày 15/3/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH dệt Hongda (Việt Nam) địa chỉ tại
Khu công nghiệp Thành Thành Công, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàn, tỉnh
Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy
dệt vải Hongda (Việt Nam) tại lô A2.2, đường D2, Khu công nghiệp Thành
Thành Công, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàn, tỉnh Tây Ninh với các nội
dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư:

1.1. Tên Dự án: Nhà máy dệt vải Hongda (Việt Nam).

1.2. Địa điểm thực hiện Dự án: lô A2.2, đường D2, Khu công nghiệp Thành Thành Công, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 3236842585 ngày 30/12/2021, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 05/9/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 3901321893 ngày 06/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

1.4. Mã số thuế: 3901321893

1.5. Loại hình Dự án: sản xuất và gia công vải dệt kim.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án đầu tư:

- Dự án thuộc nhóm II theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tổng diện tích: 44.298,4 m².

- Công suất: sản xuất và gia công vải dệt kim (trong dây chuyền sản xuất không có công đoạn nhuộm) quy mô 15.000 tấn/năm tương đương 75.000.000 m²/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH dệt Hongda (Việt Nam) được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH dệt Hongda (Việt Nam) có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất

thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Công khai Giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty TNHH dệt Hongda (Việt Nam) hoặc tại trụ sở UBND phường An Hoà; thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp Giấy phép môi trường

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này. Giấy phép môi trường số 1985/GPMT-UBND ngày 28/09/2022 của UBND tỉnh về việc cấp phép môi trường Dự án Nhà máy dệt vải Hongda (Việt Nam) của Công ty TNHH dệt Hongda (Việt Nam) hết hiệu lực kể từ ngày ký Giấy phép môi trường này.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế, các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- UBND thị xã Trảng Bàng;
- Công ty TNHH Dệt Hongda (Việt Nam);
- Đăng tải trên trang thông tin điện tử Sở TNMT;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND
ngày... tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thành Thành Công, không xả ra môi trường). Công ty TNHH Dệt Hongda (Việt Nam) đã ký Hợp đồng dịch vụ thoát nước với Công ty cổ phần Khu công nghiệp Thành Thành Công (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Thành Thành Công và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung) tại số Hợp đồng 18/2022/HDDV - TTCIZ ngày 03/3/2022.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống:****1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt của công nhân viên tại các khu vực: văn phòng, nhà xưởng với lưu lượng lớn nhất là 41,6 m³/ngày được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại; có 10 bể tự hoại (bao gồm 02 bể có thể tích 15m³/bể; 02 bể có thể tích 4 m³/bể, 06 bể có thể tích 10 m³/bể). Nước thải sau các bể tự hoại theo đường ống thu gom kết cấu HPDE Ø200 – 400 dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Dự án có công suất xử lý 100 m³/ngày.đêm theo phương án nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT.

- Nước thải nấu ăn với lưu lượng lớn nhất 0,5 m³/ngày được xử lý sơ bộ tại bể tách dầu mỡ thể tích 4 m³ sau đó theo đường ống thu gom kết cấu HPDE Ø200 – 250 dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Dự án có công suất xử lý 100 m³/ngày.đêm theo phương án nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT.

Nước thải của Dự án được xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của phân khu đa ngành Khu công nghiệp Thành Thành Công bằng đường ống HDPE Ø315, dài 32m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý, đầu nối nước thải:

Nước thải sinh hoạt tại các khu nhà vệ sinh của khu vực văn phòng và

kho xưởng → bể tự hoại → hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án.

Nước thải nấu ăn → bể tách dầu → hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án có công suất xử lý $100\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ theo phương án nước thải sau xử lý đạt cột B, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp - QCVN 40:2011/BTNMT; nước thải sau xử lý đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của phân khu đa ngành Khu công nghiệp Thành Thành Công.

Hệ thống xử lý nước thải của Dự án có quy trình công nghệ như sau: nước thải → bể thu gom tập trung → bể điều hòa → bể sinh học tiếp xúc hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng.

Nước thải từ bể khử trùng → hố gas đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của phân khu đa ngành Khu công nghiệp Thành Thành Công.

Hóa chất sử dụng: NaOCl.

- Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

+ 10 bể tự hoại gồm: 02 bể có thể tích $15\text{m}^3/\text{bể}$, kích thước mỗi bể $6,6\text{m} \times 1,35\text{m} \times 1,7\text{m}$, 06 bể có thể tích $10\text{m}^3/\text{bể}$, kích thước mỗi bể $5\text{m} \times 1,2\text{m} \times 1,7\text{m}$ và 02 bể có thể tích $4\text{m}^3/\text{bể}$, kích thước mỗi bể $2,7\text{m} \times 1\text{m} \times 1,5\text{m}$, có kết cấu vật liệu bê tông cốt thép.

+ 01 bể tách dầu mỡ thể tích 4m^3 , kích thước mỗi bể $2,7\text{m} \times 1\text{m} \times 1,5\text{m}$ có kết cấu vật liệu bê tông cốt thép.

+ 01 Hệ thống xử lý nước thải có công suất xử lý $100\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ gồm 06 bể có kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, cụ thể như sau: 01 bể thu gom có thể tích hữu ích $21,0\text{m}^3$, kích thước $6,0\text{m} \times 1,0\text{m} \times 4,5\text{m}$; 01 bể điều hòa có thể tích hữu ích $63,0\text{m}^3$, kích thước $6,0\text{m} \times 3,0\text{m} \times 4,0\text{m}$; 02 bể sinh học tiếp xúc hiếu khí có thể tích hữu ích $84,0\text{m}^3/\text{bể}$, kích thước mỗi bể: $6,0\text{m} \times 4,0\text{m} \times 4,0\text{m}$; 01 bể lắng có thể tích hữu ích $25,0\text{m}^3$, kích thước $3,0\text{m} \times 4,0\text{m}$; 01 bể khử trùng có thể tích hữu ích $28,4\text{m}^3$, kích thước $3,0\text{m} \times 2,7\text{m} \times 4,0\text{m}$.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống thu gom nước thải.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị và bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời; bảo dưỡng định kỳ các máy

móc, thiết bị.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý; vận hành hệ thống theo đúng quy trình, kỹ thuật đã xây dựng; lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép đầu nổi, tiếp nhận của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Thành Thành Công, không xả trực tiếp ra môi trường.

3.2. Lập sổ nhật lý vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND ngày... tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

Nguồn số 01: Nguồn bụi, khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, công suất 250 KVA (sử dụng nhiên liệu là dầu DO, chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện), lưu lượng khí thải là 1.670 m³/giờ.

Nguồn số 02: Bụi vải phát sinh từ công đoạn dệt vải, lưu lượng phát sinh không xác định, tùy thuộc vào loại vải nguyên liệu.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Vị trí xả khí thải:**

Nguồn số 01: Ống thải từ máy phát điện dự phòng có công suất 250 KVA, sử dụng nhiên liệu là dầu DO hoạt động khi có sự cố mất điện; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1219 476.51; Y = 589 102. 30

Nguồn số 02: Môi trường xung quanh khu vực dệt vải; tọa độ vị trí phát sinh khí thải: X = 1219 519.63; Y = 589 133.76.

(hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Lưu lượng khí thải lớn nhất từ máy phát điện dự phòng là 1.670 m³/giờ.

- Phương thức xả khí thải:

Nguồn số 01: Khí thải xả ra môi trường thông qua ống thải, xả liên tục khi vận hành máy phát điện.

Nguồn số 02: Phân tán ra môi trường xung quanh.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kp = 1, Kv = 1) trước khi xả thải ra môi trường; bụi khu vực sản xuất phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

T	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	$P \leq 200.000$	Không áp dụng	Không áp dụng
2	Bụi	mg/Nm ³	200		
3	NO _x	mg/Nm ³	850		

T	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
4	SO ₂	mg/Nm ³	500		
5	CO	mg/Nm ³	1.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu dầu DO để vận hành máy phát điện công suất 250 KVA khi có sự cố mất điện được thu gom thoát ra ngoài môi trường theo đường ống Ø200mm cao 10m, vật liệu SUS304, độ dày 3mm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng thu gom về ống thải của máy phát điện, xả trực tiếp ra môi trường (máy phát điện dự phòng chỉ vận hành khi có sự cố mất điện).

- Bố trí mỗi máy đặt trong 01 buồng kín riêng biệt có 04 vách ngăn làm bằng vật liệu là màng nhựa PVC dẻo (độ dày 0,3mm); hàng ngày khi vận hành công nhân sẽ vệ sinh máy đặt và sử dụng máy hút bụi công nghiệp để thu gom bụi.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị thường xuyên.

- Đào tạo đội ngũ công nhân viên nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố sẽ ngừng hoạt động tìm nguyên nhân, khắc phục sự cố kịp thời.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

- Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu

tu bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2. Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT-UBND
ngày ... tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: phát sinh từ quá trình hoạt động của 229 máy dẹt kim tại xưởng dẹt.
- Nguồn số 02: phát sinh từ quá trình hoạt động của 02 máy đánh sợi, 12 máy kiểm vải.
- Nguồn 03: phát sinh từ quá trình hoạt động của 01 nén khí.
- Nguồn số 04: phát sinh từ quá trình hoạt động của 01 máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: X = 1219 558.71; Y = 589 148.52.
- Nguồn số 02: X = 1219 571.65; Y = 589 147.06.
- Nguồn số 03: X = 1219 480.53; Y = 589 075.41.
- Nguồn số 04: X = 1219 476.51; Y = 589 102.30.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực; các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất được bảo trì bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh), thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị có phát sinh độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND
ngày... tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1.	Hộp chứa mực in ^(KS)	Rắn	08 02 04	5
2.	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	20
3.	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	90
4.	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải ^(KS)	Rắn	18 01 01	600
5.	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải ^(KS)	Rắn	18 01 03	650
6.	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại ^(KS)	Rắn	18 02 01	30
7.	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	10
TỔNG CỘNG				1.405

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải từ sợi dệt chưa qua xử lý hoặc đã qua xử lý	Rắn	10 02 10	230,4
	Vải, sợi phế các loại	Rắn	-	230

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
	<i>Bụi sợi, vải từ quá trình sản xuất</i>	<i>Rắn</i>	-	<i>0,4</i>
2	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	Rắn	18 01 05	26
3	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là chất thải nguy hại) thải	Rắn	18 01 06	51
	<i>Bao bì nylon thải</i>	<i>Rắn</i>	-	<i>20</i>
	<i>Lõi nhựa cuộn sợi</i>	<i>Rắn</i>	-	<i>31</i>
4	Gỗ (palet gỗ hư thải bỏ)	Rắn	11 02 02	2
5	Bùn thải từ quá trình xử lý sinh học nước thải công nghiệp khác với các loại trên	Rắn	12 06 12	20
TỔNG CỘNG				329,4

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	120
TỔNG CỘNG		120

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng chứa có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa chất thải nguy hại: có tường gạch bao quanh, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ,

roi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bao bì, thùng, phuy.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 30 m².

- Thiết kế, cấu tạo: có tường gạch bao quanh, mái tôn, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa có nắp đậy.

- Khu vực lưu chứa: bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124 và Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND
ngày... tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.